

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 199/2023/HS-ST

Ngày: 25/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Thu
Bà Phan Thị Dòn

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường An - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 171/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/HSST-QĐ ngày 31/7/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/HSST-QĐ ngày 21/8/2023, đối với bị cáo:

Phạm Thị T; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1973, tại: Tỉnh Nam Định; nơi thường trú: đường P, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Nhà không số, Tổ M, Ấp S, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Hữu K và bà Nguyễn Thị V; Có chồng là Đỗ Quang T2 và 02 người con (sinh năm 2003 và 2006); Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt từ ngày 12/01/2023.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hữu T, Luật sư của Công ty Luật TNHH D thuộc Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

Bị hại: Anh Trịnh Văn H, sinh năm: 1989; địa chỉ: tổ C, ấp S, xã V, huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị T sinh sống tại địa chỉ Tổ M, Ấp S, xã V, huyện B. Vào tháng 01/2023, T phát hiện 04 căn nhà đã được xây dựng gần hoàn thiện tại Tổ T, Ấp S, xã V, huyện B. T biết cả 04 căn nhà trên đều được xây dựng trái phép nên nảy sinh ý định tổng tiền những người liên quan để chiếm đoạt tài sản. T liên hệ với ông Nguyễn Văn M là trưởng Ấp S, xã V và thông tin cho ông M biết về 04 căn nhà mà T phát hiện thì ông M nói sẽ kiểm tra lại và trả lời cho T sau.

Sau đó, một chủ thầu xây dựng tên H2 (không rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 0902417299 liên lạc với T qua số điện thoại 0902691905 đề nghị T dừng quây phá để H2 làm ăn thì T yêu cầu H2 đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng. Lúc này, H2 kêu T liên hệ với anh Trịnh Văn H sử dụng số điện thoại 0933167464 là người xây dựng 04 căn nhà trên để lấy tiền.

Sau khi có thông tin của anh H, T sử dụng điện thoại di động S gắn sim số 0902691905 gọi điện, nhắn tin yêu cầu anh H phải đưa cho T 20.000.000 đồng, nếu không T sẽ chụp ảnh 04 căn nhà do anh H xây dựng và tố cáo chính quyền địa phương. Anh H xin T giảm số tiền xuống 10.000.000 đồng nhưng T không đồng ý. Do lo sợ ảnh hưởng đến công việc nên anh H đồng ý đưa số tiền 20.000.000 đồng và hẹn T địa điểm giao tiền, đồng thời trình báo cơ quan Công an.

Vào lúc 11 giờ 15 phút ngày 12/01/2023, tại quán cà phê P thuộc Tổ H, Ấp B, xã B, huyện B, khi T đang nhận của anh H số tiền 20.000.000 đồng thì bị Công an xã B, huyện B bắt quả tang cùng tang vật, lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xử lý.

Ngoài ra, T khai nhận với thủ đoạn tương tự, T đã chiếm đoạt tiền của H2 (không rõ lai lịch) 02 lần vào năm 2019 và 2021.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Số tiền 20.000.000 đồng là tang vật của vụ án, đã giao trả cho bị hại Trịnh Văn H vào ngày 06/3/2023.

- 01 điện thoại di động S, màu xanh, có gắn sim số 0902691905 thu giữ của Phạm Thị T sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

Về dân sự: Bị hại Trịnh Văn H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 135/CT-VKS-BC ngày 15/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tự nhận thấy hành vi của mình là trái quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội: “Cưỡng đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị T là Luật sư Nguyễn Hữu T trình bày: Thông nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh và xác định tình tiết giảm nhẹ tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét bị cáo Phạm Thị T có trình độ học vấn thấp, chồng của bị cáo là ông Đỗ Quang T2 hiện đang bị bệnh nặng (bị suy tim, đái tháo đường và các bệnh liên quan đến huyết áp, dạ dày, hành tá tràng), bị cáo phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại; bị hại cũng có một phần lỗi (vì trước khi bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản, thì 04 công trình liên quan đến hành vi của bị cáo, đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, lập biên bản xác định chưa có dấu hiệu vi phạm), bố của bị cáo là ông Phạm Hữu K được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo Phạm Thị T và xem xét cho bị cáo Phạm Thị T được hưởng án treo theo quy định hoặc mức hình phạt ở đầu khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tranh luận: Đối với quan điểm bị hại có một phần lỗi là không có cơ sở, bởi lẽ tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, lập biên bản xác định 04 công trình liên quan đến hành vi của bị cáo chưa có dấu hiệu vi phạm thì có nghĩa chủ thầu là anh Trịnh Văn H sẽ không thực hiện việc sửa chữa, xây dựng sai phép hoặc trái phép; Đối với quan điểm hành vi phạm tội của bị cáo Tuyền chưa gây thiệt hại là không có cơ sở, vì thiệt hại trên thực tế đã xảy ra, bị hại đã giao số tiền cho bị cáo Phạm Thị T, sau đó mới bị bắt quả tang; Đối với đề nghị xem xét bị cáo Phạm Thị T có trình độ học vấn thấp, chồng của bị cáo là ông Đỗ Quang T2 hiện đang bị bệnh nặng (bị suy tim, đái tháo đường và các bệnh liên quan đến huyết áp, dạ dày, hành tá tràng), bố của bị cáo là ông Phạm Hữu K được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, là tình tiết giảm nhẹ có thể xem xét áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo Phạm Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị T phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, có căn cứ xác định: Vào tháng 01/2023, Phạm Thị T phát hiện 04 căn nhà tại Tổ T, Ấp S, xã V, huyện B có dấu hiệu vi phạm trong lĩnh vực xây dựng, do anh Trịnh Văn H là người đứng ra xây dựng, nên T sử dụng điện thoại di động S gắn sim số 0902691905 gọi điện, nhắn tin yêu cầu anh H phải đưa cho T 20.000.000 đồng, nếu không T sẽ báo chính quyền địa phương, vì không muốn việc xây dựng hoặc sửa chữa bị gián đoạn nên anh H chấp nhận yêu cầu của bị cáo T. Vào lúc 11 giờ 15 phút ngày 12/01/2023, tại quán cà phê P thuộc Tổ 2, Ấp 4B, xã B, huyện B, khi T đang nhận của anh H số tiền 20.000.000 đồng thì bị Công an xã B, huyện B bắt quả tang.

[4] Như vậy, có đủ cơ sở kết luận Phạm Thị T đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Ngoài ra, bị cáo Phạm Thị T tự khai nhận vào năm 2019 và 2021 bị cáo còn có hành vi chiếm đoạt tiền của một người tên H2, nhưng không xác định được nhân thân lai lịch của H2, và không có chứng cứ nào ngoài lời khai của bị cáo Phạm Thị T nên không đủ căn cứ để xử lý.

[6] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Phạm Thị T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Phạm Thị T có trình độ học vấn thấp, chồng của bị cáo là ông Đỗ Quang T2 hiện đang bị bệnh nặng (bị suy tim, đái tháo đường và các bệnh liên quan đến huyết áp, dạ dày, hành tá tràng), bố của bị cáo là ông Phạm Hữu K được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, nên cân nhắc áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[7] Đối với đề nghị của người bào chữa về việc xem xét bị hại có một phần lỗi là không có cơ sở, bởi lẽ mặc dù trước thời điểm bị cáo Phạm Thị T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Trịnh Văn H, cơ quan có thẩm quyền đã lập biên bản đối với 04 công trình có liên quan và xác định chưa phát hiện có vi phạm. Tuy nhiên việc lập biên bản này không có nghĩa anh Trịnh Văn H không có ý định hoặc không có hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng đối với 04 công trình có liên quan. Lời khai của anh Trịnh Văn H đều thể hiện 04 công trình có liên quan do anh H chịu trách nhiệm xây dựng là những công trình chưa xin phép xây dựng hoặc sửa chữa, nên vì không muốn việc xây dựng hoặc sửa chữa bị gián đoạn nên

anh H phải chấp nhận theo yêu cầu của bị cáo T; đối với đề nghị xem xét bị cáo Phạm Thị T phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị T chưa gây ra thiệt hại vật chất, số tiền 20.000.000 đồng đã được hoàn trả cho bị hại anh Trịnh Văn H nhưng việc lợi dụng tình trạng xây dựng không phép, sai phép tại địa phương, để uy hiếp tinh thần chủ thầu xây dựng nhằm chiếm đoạt tài sản là một trong những hành vi làm ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình quản lý trật tự xây dựng tại địa phương nên không có cơ sở xem xét tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Đối với đề nghị xem xét cho bị cáo Phạm Thị T được hưởng án treo, như đã nhận định, với thủ đoạn lợi dụng tình trạng xây dựng không phép, sai phép tại địa phương để uy hiếp tinh thần chủ thầu xây dựng nhằm chiếm đoạt tài sản như phân tích trên, mà địa bàn huyện B trong giai đoạn hiện nay đang là điểm nóng về tình trạng này, do đó để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cũng như đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị cho bị cáo Phạm Thị T được hưởng án treo là không phù hợp mà cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 20.000.000 đồng là vật chứng được đã giao trả cho bị hại Trịnh Văn H.

- 01 điện thoại di động S, màu xanh, có gắn sim số 0902691905 thu giữ của Phạm Thị T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[9] Về dân sự: Bị hại Trịnh Văn H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố Phạm Thị T phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T: 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2023.

- Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình năm 2015,

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động S, màu xanh, có gắn sim số 0902691905 thu giữ của Phạm Thị T.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B)

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- CQTHAHS Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Dũng